

a) Do nhân dân trồng trên công thổ, thu theo tỷ lệ 7% giá thị trường, nếu được Ủy ban Hành chính hay Nông hội địa phương chứng nhận là cây trồng và chưa nộp thuế nông nghiệp;

b) Nếu không có giấy chứng nhận, thu theo 15% giá thị trường của địa phương như sợi gai khai thác ở rừng ra.

Qua quá trình áp dụng, Liên bộ nhận thấy sợi gai đem bán trên thị trường đều do nhân dân trồng trên công thổ hoặc tư thổ, còn gai mọc tự nhiên ở rừng thì không có.

Sau nữa, việc thu tiền bán về sợi gai cũng không được thống nhất giữa các Ty Lâm nghiệp; tại Thanh hóa và Hòa bình, tiền bán thu theo 15% giá thị trường địa phương, còn tại Nghệ an Ủy ban tỉnh cho quy định từng vùng sản xuất và thu theo tỷ lệ 7% giá thị trường.

Hiện nay, để ổn định giá thị trường, Mậu dịch đã thống nhất thu tất cả các sợi gai; nếu việc thu tiền bán không được thống nhất, sẽ gây khó khăn cho việc kinh doanh của Mậu dịch.

Để khuyến khích việc trồng gai (một loại cây công nghệ) và để đơn giản việc kiểm điểm và thu tiền bán về sợi gai, Liên bộ có chủ trương như sau:

1.— Bắt đầu từ năm 1959 trở đi, các cơ quan lâm nghiệp sẽ không thu tiền bán của sợi gai nữa; và các cơ quan thuế nông nghiệp sẽ phụ trách thu thuế của sợi gai.

2.— Từ 1-11-1958 đến 31-12-1958, tất cả cơ quan lâm nghiệp chỉ thu tiền bán theo tỷ lệ 7% giá thị trường địa phương. Những nơi thu sai (15%) phải đình chỉ ngay và phải thống nhất thu 7%. Về giấy tờ không bắt buộc phải có giấy chứng nhận của Ủy ban Hành chính hay nông hội địa phương như trước nữa.

3.— Tiền bán về sợi gai đã thu theo tỷ lệ 15% giá thị trường đến nay không truy hoàn hoặc trưng thu nữa.

Hà nội, ngày 3 tháng 11 năm 1958

K.T. Bộ trưởng Bộ Nông lâm

Thứ trưởng

NGUYỄN TẠO

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thứ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

## CÁC BỘ

### BỘ NỘI VỤ

#### THÔNG TƯ số 74-DC ngày 17-11-1958 về tuổi để kết hôn và thủ tục đăng ký các việc kết hôn dưới 18 tuổi

Gần đây một số địa phương như Bắc ninh, Nam định, Vĩnh phúc, v.v... có phản ánh lên Bộ là cán bộ cơ sở thường bị lúng túng trong việc áp dụng đoạn 2 điều 13 của bản điều lệ đăng ký hộ tịch đối với các việc xin đăng ký hết hôn mà trai gái còn dưới 18 tuổi. Sau khi đã xin ý kiến Thủ tướng phủ, Bộ ra thông tư này để trả lời chung.

#### A.— VỀ ĐIỀU KIỆN TUỔI ĐỂ KẾT HÔN

1.— Trong phạm vi tôn trọng những điều kiện khác về kết hôn (như là trai chưa vợ gái chưa chồng, nếu đã có vợ có chồng thì phải được tòa án cho ly hôn; hoàn toàn tự do kết hôn không có sự ép buộc của ai cả; không có họ hàng thân thích gần mà luật pháp cấm không cho kết hôn, v.v...), nam nữ thanh niên đủ 18 tuổi trở lên có quyền tự do kết hôn.

2.— Trai chưa đủ 18 tuổi không được phép kết hôn. Chính quyền không công nhận và không đăng ký việc kết hôn khi người chồng chưa đủ 18 tuổi.

3.— Để chiếu cố những trường hợp đặc biệt có lý do chính đáng, có thể cho phép người con gái dưới 18 tuổi được kết hôn, nhưng ít nhất cũng phải đủ 16 tuổi. Muốn được phép kết hôn, người con gái đủ 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi phải được cha mẹ hoặc người giám hộ đồng ý và làm đơn xin phép Ủy ban Hành chính huyện, thị xã hoặc ban Hành chính khu phố (tại hai thành phố Hà nội và Hải phòng). Ủy ban Hành chính huyện, thị xã hoặc ban Hành chính khu phố trước khi quyết định cho phép hay không cho phép phải hỏi ý kiến của đoàn thể phụ nữ ở cấp tương đương.

4.— Cách tính tuổi phải theo dương lịch, nghĩa là mỗi tuổi là một năm, mỗi năm là 12 tháng.

#### B.— VỀ CÁCH ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Căn cứ vào điều kiện tuổi để kết hôn nói trên đây thì đoạn 2 điều 13 của bản Điều lệ đăng ký hộ tịch sẽ chỉ áp dụng cho trường hợp kết hôn của những người con gái dưới 18 tuổi nhưng đủ 16 tuổi có sự đồng ý của cha mẹ hay người giám hộ và được Ủy ban Hành chính huyện, thị xã hay khu phố cho phép.

Các nguyên tắc nói trên chỉ áp dụng đối với miền xuôi.

Biện pháp chủ yếu để bài trừ nạn tảo hôn và bảo đảm tự do kết hôn là tuyên truyền, vận động, thuyết phục cả ông bà, cha mẹ lẫn con cái, trước hết là ông bà, cha mẹ đôi bên nam nữ. Muốn làm tốt công tác này các cấp chính quyền cần phải phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể thanh niên và phụ nữ địa phương mình.

Hà nội, ngày 17 tháng 11 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI

**NGHỊ ĐỊNH số 441-NV ngày 17-11-1958**  
chia xã Tân mai thuộc huyện Mai châu  
tỉnh Hòa bình làm ba xã.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ sắc lệnh số 198-SL ngày 13-8-1958 về việc thành lập và sửa đổi địa giới các xã, thị xã:

Theo đề nghị của Ủy ban Hành chính tỉnh Hòa bình:

Xét việc chia xã Tân mai thuộc huyện Mai châu có lợi cho sinh hoạt của nhân dân và sự lãnh đạo công tác chính quyền địa phương:

**NGHỊ ĐỊNH:**

Điều 1. — Nay chia xã Tân mai thuộc huyện Mai châu, tỉnh Hòa bình làm ba xã:

— Xã Phúc sạn gồm các xóm: Gò mu, Gò lao, Phúc, Nọt, Xốp, Sạn, So lo, Cửa um.

— Xã Tân mai gồm các xóm: Đồi, Khoang, Nánh, Thâm nhân, Mo rút, Sudi lớn.

— Xã Ba khan gồm các xóm: Khan hồ, Khan thượng, Khan hạ.

Điều 2. — Ủy ban Hành chính tỉnh Hòa bình, ông Giám đốc Vụ Tổ chức Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 17 tháng 11 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI

**NGHỊ ĐỊNH số 443 - NV ngày 18-11-1958** chia hai xã Kim sơn và Tân lĩnh thuộc huyện Tùng thiện tỉnh Sơn tây thành bốn xã.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ sắc lệnh số 198-SL ngày 13-8-1948 về việc thành lập và sửa đổi địa giới các xã, thị xã:

Căn cứ thông tư của Thủ tướng Chính phủ số 356-TTg ngày 4 tháng 1 năm 1954 về việc chia xã:

Theo đề nghị của Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn tây:

**NGHỊ ĐỊNH:**

Điều 1. — Nay chia hai xã Kim sơn và Tân lĩnh thuộc huyện Tùng thiện tỉnh Sơn tây thành bốn xã lấy tên: Kim sơn, Yên sơn, Tân lĩnh và Văn sơn.

Xã Kim sơn gồm các xóm: Kim đài, Ngải sơn, Kim trung, Nhà thờ, Phú sơn.

Xã Yên sơn gồm các xóm: Yên bài, Muối, Quýt, Chống, Ba trại.

Xã Tân lĩnh gồm các xóm: Hiệu lực, Thịnh phú, Ké, Gò sông, Đầm, Bát, Gò chu, Tân mỹ, Mỹ đưc.

Xã Văn sơn gồm các xóm: Muồng, Phú đông vàng, Nghe, Rùa, Soan, Bơn, Gốc Đa, Bận.

Điều 2. — Ủy ban Hành chính tỉnh Sơn tây, ông Giám đốc Vụ Tổ chức Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 18 tháng 11 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Nội vụ

PHAN KẾ TOẠI

**BỘ TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ số 113-TC/KTKT ngày 13-11-1958** quy định tạm thời về việc trích tiền để thưởng sáng kiến phát minh.

Thông tư số 4-LĐTT ngày 8-3-1958 của Bộ Lao động đã ban hành chế độ thưởng sáng kiến phát minh, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, nhưng đến nay chưa có văn kiện nào quy định cụ thể là các ngành, các địa phương được trích tiền ở đâu để làm tiền thưởng.

Vì thế cho nên việc khen thưởng giải quyết không được kịp thời, do đó mà chưa phát huy được tác dụng khuyến khích sản xuất của chế độ thưởng.

Tiền thưởng sáng kiến phát minh không phải lấy ở quỹ tiền thưởng xí nghiệp để trả. Khi tính tiền thưởng sáng kiến, phát minh cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, phải căn cứ vào hiệu quả kinh tế (nhiều hay ít) thu được do áp dụng những sáng kiến phát minh ấy. Cho nên nguồn tiền để trích làm tiền thưởng này lấy ở kết quả tiết kiệm được sau khi đã áp dụng những sáng kiến phát minh đó.

Căn cứ theo tinh thần trên, sau khi được Thủ tướng phủ đồng ý, tại công văn số 5083/TN ngày 3-11-1958, Bộ Tài chính tạm thời quy định:

1. — Đối với các xí nghiệp sản xuất, kinh doanh, bao thầu, nói chung tiền thưởng sáng kiến phát minh đều lấy ở vốn lưu động ra để chi và sẽ phân